

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-08-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Minh Thật

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/04/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Đắc T, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã LN, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã LN, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/03/2022, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trịnh Đắc T trình bày:

Anh T và chị L kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN. Quá trình chung sống Anh T và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không được và vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: : Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đắc T và chị Phạm Thị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không được và vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2020 đến nay. Bị đơn chị Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T. Chị Phạm Thị L không đến Tòa tham gia hòa giải đều đó cho thấy chị Phạm Thị L không có thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ. Nay anh Trịnh Đắc T yêu cầu ly hôn, xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Đắc T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết..

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đắc T và chị Phạm Thị L được ly hôn.
2. Về con chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trịnh Đắc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006372 ngày 05/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THA huyện Long Mỹ;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc